

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 3 - 2021
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Thanh Phong;
2. Bà Huỳnh Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 01 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Khương Tuyết X, sinh năm 1975 (vắng mặt có đơn);

Địa chỉ cư trú: Ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Văn Q, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp Bình H, xã Bình T, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 12 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Khương Tuyết X trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1994, bà Khương Tuyết X và ông Nguyễn Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, bà X và ông Q chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, đã nhiều năm nay, giữa bà với ông Q thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, tranh cãi, nguyên nhân do ông Q không chăm lo làm ăn, không lo cho cuộc sống chung của gia đình nữa mà thường xuyên tham gia tệ nạn đá gà, đánh bài. Ông Q thường xuyên dùng tài sản trong gia đình tham gia các tệ nạn xã hội. Bà khuyên can, hàn gắn nhiều nhưng ông Q chỉ hứa hẹn, năn nỉ mà không thay đổi. Bà vẫn cố gắng hàn gắn chung sống, nhưng

không hàn gắn được, mâu thuẫn ngày càng nhiều, tình cảm dần không còn nữa, tranh cãi diễn ra mỗi ngày, bản thân bà đã cố gắng chịu đựng nhưng không thể chịu đựng được nữa. Nhận thấy không thể duy trì quan hệ hôn nhân được nữa, mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà X xin ly hôn với ông Q.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 02/3/1996 (đã chết) và Nguyễn Thị Tuyết X 1, sinh ngày 01/01/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố H đã triệu tập và tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn Q đầy đủ, đúng quy định của pháp luật, nhưng ông Nguyễn Văn Q không có ý kiến phản đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Bà Khương Tuyết X khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Khương Tuyết X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn Q được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bà Khương Tuyết X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, còn ông Nguyễn Văn Q đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Về hôn nhân: Từ năm 1994 cho đến nay, bà Khương Tuyết X và ông Nguyễn Văn Q chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng được quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

[5] Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Khương Tuyết X với ông Nguyễn Văn Q.

[6] *Về nuôi con chung:* Có 02 người con chung tên Nguyễn Văn P, sinh ngày 02/3/1996 (đã chết) và Nguyễn Thị Tuyết X 1, sinh ngày 01/01/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[7] *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[8] *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[9] *Về án phí*: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Vậy, bà Khương Tuyết X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng; ông Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1, 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Đồng Q mục án phí) của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Khương Tuyết X với ông Nguyễn Văn Q.

Về nuôi con chung: Không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Khương Tuyết X phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 0008826 ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; bà Khương Tuyết X đã nộp đủ án phí;

Ông Nguyễn Văn Q không phải chịu án phí.

Bà Khương Tuyết X và ông Nguyễn Văn Q có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Trung